

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La (lần 2)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ các văn bản của Chính phủ: Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 về việc bổ sung Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Theo các văn bản của UBND tỉnh: Quyết định số 831/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2009 về việc phê duyệt dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Sơn La; Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2013 về việc phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án; Quyết định số 1214/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2015 về việc phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng công trình Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Sơn La;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại báo cáo kết quả thẩm định số 376/KQTD-SXD ngày 22 tháng 11 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La (lần 2), với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

2. Chủ đầu tư: Ban Quản lý các dự án ODA tỉnh Sơn La.

3. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Đầu tư Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La nhằm thu gom và xử lý nước thải trên địa bàn thành phố, đảm bảo môi trường cho khu vực thành phố Sơn La, góp phần phát triển kinh tế xã hội của thành phố Sơn La.

4. Quy mô, nội dung đầu tư

4.1. Quy mô đầu tư các hạng mục công trình điều chỉnh, bổ sung

- Điều chỉnh, bổ sung thiết kế nhà máy xử lý nước thải: Bổ sung hồ ứng phó sự cố, thay đổi kích thước bể Aroten, xây dựng cầu bản, cầu cống phụ, kè chắn đất, kè bê tông bản Tông và một số hạng mục phụ trợ.

- Điều chỉnh, bổ sung thiết kế trạm bơm PS3, trạm bơm PS2.

- Bổ sung hệ thống đường ống thoát nước cấp 1, 2, 3 một số khu vực dân cư dọc kè suối Nậm La và các phường thuộc thành phố; điều chỉnh thiết kế một số tuyến ống, hố ga và hộp đấu nối.

- Điều chỉnh giảm một số tuyến ống do không đảm bảo cao độ thu gom, trùng hạng mục của dự án khác, không giải phóng được bất bằng hoặc không được các hộ dân đồng thuận nhất trí.

4.2. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo Quyết định số 1214/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2015 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng công trình Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Sơn La.

5. Tổ chức lập dự án điều chỉnh: Ban Quản lý các dự án ODA tỉnh Sơn La. Địa chỉ: số 47, đường Hoàng Quốc Việt, phường Chiềng Cơi, thành phố Sơn La; tỉnh Sơn La

6. Chủ nhiệm lập dự án: KS. Tăng Văn Thanh.

7. Địa điểm xây dựng: Thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

8. Diện tích sử dụng đất: Trên địa bàn thành phố Sơn La.

9. Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp III.

10. Số bước thiết kế: 02 bước.

11. Giải pháp thiết kế điều chỉnh, bổ sung

11.1. Điều chỉnh, bổ sung gói thầu số 01

a) *Bổ sung xây dựng Hồ ứng phó sự cố:*

- Vị trí nằm trong khu vực nhà máy xử lý nước thải thành phố Sơn La, dung tích khoảng 10.000m³;

- Hồ có thiết kế diện tích mặt hồ là 4.296m², diện tích đáy hồ là 2.904m², chu vi của hồ là 295m, chiều sâu hồ là 4m; đáy, thành hồ lớp màng HDPE dày 1,5cm/lớp đất sét đầm chặt dày 50cm/lớp đất tự nhiên.

b) Điều chỉnh thay đổi kích thước bể Aeroten:

- Tăng kích thước bể Aeroten: kích thước cũ (14,7 x 30,6) m tăng lên (19,2 x 32,6) m;

- Tăng số lượng giàn sục khí mịn trên toàn bộ diện tích đáy: từ 489 lên 719 đầu phân phối khí;

- Bổ sung máy khuấy trộn chìm lắp đặt tại ngăn Anoxic: Số lượng 02 cái;

- Bổ sung 03 bơm nước tuần hoàn về ngăn Anoxic (02 bơm chạy và 01 bơm dự phòng);

- Bổ sung 02 van 1 chiều, hệ thống đường ống và phụ kiện cho bơm nước tuần hoàn;

- Bổ sung hệ thống tủ điện, hệ thống điện động lực cho bơm nước tuần hoàn;

-Bổ sung hệ thống khử trùng UV: Khối lượng 01 hệ thống.

c) Xây dựng cầu bản cống phụ:

- Cầu có thiết kế chiều rộng B=6m, bắc qua mương thủy lợi chiều dài 6m bao gồm trụ cầu, mố cầu, bản cầu, dầm bản;

- Bản dẫn, lan can, kè chắn đất đầu cầu bản, bê tông cốt thép cầu mác 250;

- Kè chắn đất đầu cầu tiếp giáp với cầu bản tông xây bằng đá hộc vữa xi măng mác 100, chiều cao của kè phụ thuộc vào cao độ thiết kế của đường công vụ vào bản Tông.

d) Bổ sung trạm bơm PS3:

- Trạm bơm PS3 được xây dựng trong khuôn viên vườn hoa khuôn viên cây xanh xung quanh tại khu vực ao cá Bắc Hồ bản Giăng, phường Quyết Thắng;

- Để công năng sử dụng của trạm bơm PS3 được sử dụng tối đa. Thiết kế hệ thống ống uPVC 200 dài 175m;

- Điều chỉnh thay đổi vị trí của bộ móng trạm biến áp sao cho phù hợp với cảnh quan của khuôn viên. Thiết kế móng trạm biến áp kích thước (4,1x6,3)m chiều dày 20cm, bê tông cốt thép mác 250. Xây tường gạch chắn đất tại vị trí móng

trạm biến áp theo độ dốc của mái đất. Ốp gạch thẻ màu đỏ tại vị trí tường xung quanh móng trạm biến áp cho phù hợp với cảnh quan xung quanh;

- Bố trí trồng cây xanh và đặt chậu cây xanh theo yêu cầu của chủ đầu tư cho phù hợp với cảnh quan của khuôn viên ao cá Bác Hồ.

đ) Điều chỉnh trạm bơm PS2:

- Nâng cao độ đáy trạm bơm +580.97m, mở rộng kích thước trạm bơm sao cho dung tích chứa nước không đổi, kích thước sau khi điều chỉnh là: (4,6x5,2)m, kích thước thông thủy là: (4,0x4,6)m; kết cấu bê tông cốt thép mác 400;

e) Kè bê tông đường vào bản Tông: Chiều dài kè là 115m, chiều cao kè được thiết kế theo cao độ địa hình mặt đường, kết cấu bê tông cốt thép mác 250.

g) Kè đá:

Kè đá được thiết kế chắn đất bổ sung tại các vị trí từ cọc 8 đến cọc 9 khu nhà máy xử lý nước thải dài 28m, vị trí mương thủy lợi là 69,9m, vị trí cầu bản công phụ là 13,8m, chiều cao của kè theo cao độ của bờ suối Nậm La. Kết cấu kè xây đá hộc vữa xi măng mác 100. Trên thân kè bố trí thoát nước bằng ống nhựa PVC với tầng đệm lọc đá.

11.2. Điều chỉnh, bổ sung gói thầu số 02-06

a) Bổ sung hệ thống đường ống thoát nước cấp 1, cấp 2 (Gói thầu số 2) bao gồm:

- Tuyến 2A: Phía bên trái suối Nậm La (đổ vào trạm bơm PS2): Từ cầu CMT8 đến cầu bản Cọ (từ cọc N279+10m đến cọc N178+145m); chiều dài tuyến: 1.234m, dùng ống uPVC DN315; số lượng hố ga: 51 hố;

- Tuyến 2B: Phía bên trái suối Nậm La (đổ vào trạm bơm PS2): Từ cầu bản Hải đến cầu Bản Cọ (từ cọc N141-21m đến cọc MH_2.1-62); chiều dài tuyến: 567m, dùng ống uPVC DN315; số lượng hố ga: 21 hố;

- Tuyến 2C: Phía bên phải suối Nậm La (đổ vào trạm bơm PS2): Từ cầu bản Hải đến cầu bản Cọ (từ cọc N142-17m đến cọc N175+20m); chiều dài tuyến: 634m; dùng ống uPVC DN315 và ống uPVC DN200; số lượng hố ga: 26 hố;

- Toàn bộ lưu lượng nước thải được thu gom từ các khu dân cư mới vào hộp đấu nối, gom về đường ống chính dọc hệ thuộc đường dọc suối Nậm La sau đó đổ về mạng cấp 1,2 và chuyển toàn bộ về hệ thống trạm bơm PS2;

b) Bổ sung hệ thống đường ống thoát nước cấp 1, cấp 2 (Gói thầu số 3) bao gồm:

- Khu vực phường Quyết Thắng xây dựng các tuyến ống gồm các đường 3-2; Nguyễn Lương Bằng, Nguyễn Du sẽ được thu gom về chính đường 3-2. Sau

đó dọc theo vỉa hè đường Trường Chinh nhập vào Ga MH_4.1.1.19-39 đã thi công trong giai đoạn trước về Trạm bơm số 4 đường ống cấp 1, cấp 2 bao gồm:

+ Tuyến 4A: Từ ngã 3 Công ty Điện lực Sơn La đi dọc theo đường 3-2 và kết thúc tại ngã 3 đường Giảng Lắc - Trường Chinh tại nút MH_4.1.19-39; chiều dài tuyến: 1080m; dùng ống uPVC DN315 và ống uPVC DN200; số lượng hố ga: 41 hố;

+ Tuyến 4A.14: Từ Sở Giao thông vận tải theo đường Nguyễn Lương Bằng đầu nối với trục đường 3-2 tại ngã tư xe khách nút MH_4A-19; chiều dài tuyến: 357m; dùng ống uPVC DN315 và ống uPVC DN200; số lượng hố ga: 15 hố;

+ Tuyến ống từ cọc MH_3.1.5-18 đến cọc MH_3.1.5-31; chiều dài tuyến 33m; số lượng hố ga: 1 hố. Đoạn tuyến từ MH_3.1.5-29 đến PS3; chiều dài tuyến: 73m; dùng ống uPVC DN315 và ống uPVC DN200; số lượng hố ga: 3 hố;

+ Tuyến ống từ PS3_1 đến PS3_6; chiều dài tuyến: 77m; dùng ống uPVC DN315 và ống uPVC DN200; số lượng hố ga: 3 hố.

c) Bổ sung hệ thống đường ống thoát nước cấp 3 (Gói thầu số 4) bao gồm:

- Đoạn tuyến ống ngõ 4 đường 3-2 từ cọc MH_4A.1A-1 đến cọc MH_4A-1; chiều dài tuyến: 256m; ống uPVC DN200; số lượng hố ga trên tuyến: 11 hố; số lượng hộp đầu nối: 27 hộp;

- Đoạn tuyến ống ngõ 3 đường 3-2 (từ cọc MH_4A.4-1 đến cọc MH_4A-4; chiều dài tuyến: 265m; ống uPVC DN200; số lượng hố ga: 11 hố. Từ cọc MH_4A.1.1-1 đến cọc MH_4A.4-4; chiều dài tuyến: 35m; ống uPVC DN200; số lượng hố ga trên tuyến: 2 hố. Từ cọc MH_4A.4.2-1 đến cọc MH_4A.4-6; chiều dài tuyến: 48m; ống uPVC DN200; số lượng hố ga: 3 hố. Tổng số lượng hộp đầu nối: tuyến này: 63 hộp);

- Đoạn tuyến ống ngõ 2 đường 3-2 từ cọc MH_4A.5-1 đến cọc MH_4A.5-7; chiều dài tuyến: 97m; ống uPVC DN200; số lượng hố ga: 6 hố; số lượng hộp đầu nối: 24 hộp;

- Đoạn tuyến ống ngõ 1 đường 3-2 từ cọc MH_4A.6-1 đến cọc MH_4A.6-3; chiều dài tuyến: 48m; ống uPVC DN200; số lượng hố ga: 2 hố; số lượng hộp đầu nối: 26 hộp;

- Đoạn tuyến ống trục chính đường 3-2 (từ cọc MH_4A.5.1-1 đến cọc MH_4A.7-3; chiều dài tuyến: 207m; số lượng hố ga: 7 hố. Từ cọc MH_4A.7-1 đến cọc MH_4A-18; chiều dài tuyến: 45m; số lượng hố ga: 3 hố. Từ cọc MH_4A.1-1 đến MH_4A-2 chiều dài tuyến: 30m; số lượng hố ga: 1 hố. Từ cọc MH_4A.2-1 đến MH_4A-3 chiều dài tuyến: 30m; số lượng hố ga: 1 hố. Từ cọc

MH_4A.3-1 đến MH_4A-4 chiều dài tuyến: 30m; số lượng hố ga: 1 hố. Tổng số lượng hộp đấu nối: 39 hộp). Ống uPVC DN200.

- Đoạn tuyến ống ngõ 15 đường Lò Văn Giá từ cọc MH_1.1.18.1-8a đến cọc MH_1.1.18.1-7; chiều dài tuyến: 175m; ống uPVC DN200; số lượng hố ga: 5 hố; số lượng hộp đấu nối: 14 hộp;

- Đoạn tuyến ống ngõ 16 đường Lò Văn Giá từ cọc MH_1.1.18.1-7a đến cọc MH_1.1.18.1-7; chiều dài tuyến: 126m; ống uPVC DN200; số lượng hố ga: 5 hố; số lượng hộp đấu nối: 14 hộp;

- Đoạn tuyến ống ngõ 7 đường Nguyễn Lương Bằng từ cọc MH_4.1.19.14-1 đến cọc MH_4.1.19.9-5a; chiều dài tuyến: 52,9m; ống uPVC DN200; số lượng hố ga: 2 hố; số lượng hộp đấu nối: 8 hộp;

- Đoạn tuyến ngõ 8 đường Nguyễn Lương Bằng (từ cọc MH_4.1.19.15-1 đến cọc MH_4.1.19.9-5b; chiều dài tuyến: 152,9m; số lượng hố ga: 8 hố. Từ cọc MH_4.1.19.15.3-1 đến cọc MH_4.1.19.15-6; chiều dài tuyến: 74,4m; ống uPVC DN200; số lượng hố ga: 3 hố. Tổng số lượng hộp đấu nối: 39 hộp);

- Các vị trí tuyến thu gom đầu nối cơ quan; số lượng hộp đấu nối: 15 hộp;

- Hệ thống thoát nước thải từ các hộ gia đình qua các hộp đấu nối K1, K2 nối với hệ thống đường ống cấp 3:

+ Hộp đấu nối K1 (kiểu 1) thiết kế kích thước (700x700x700)mm; thành hộp, nắp hộp BTCT đúc sẵn mác 250; lòng hộp đổ bê tông tạo dốc mác 150; đáy hộp đệm bê tông mác 100, dày 50mm;

+ Hộp đấu nối K2 (kiểu 2) thiết kế kích thước (740x740xH)mm (với H là chiều cao theo thực địa); thành hộp gồm các đốt vòng hộp là các khoang ghép BTCT đúc sẵn mác 250; nắp hộp Bê tông cốt thép đúc sẵn mác 250; lòng hộp đổ bê tông tạo dốc mác 150; đáy hộp đệm bê tông mác 100, dày 50mm;

d) Bổ sung hệ thống đường ống thoát nước cấp 1, cấp 2 đoạn kè suối (Gói thầu số 5) bao gồm:

- Đoạn tuyến từ cọc N320+8m đến MH_5.1-30; chiều dài tuyến: 722m; ống uPVC DN200; số lượng hố ga: 29 hố;

- Đoạn tuyến từ cọc N305+16m đến MH_2.1-36; chiều dài tuyến: 756m; ống uPVC DN200; số lượng hố ga: 30 hố;

- Đoạn tuyến từ cọc N305-10m đến PS4; chiều dài tuyến: 519m; ống uPVC DN200; số lượng hố ga: 20 hố;

- Đoạn tuyến từ cọc N323+6m đến N323+121m; chiều dài tuyến: 115m; ống uPVC DN200; số lượng hố ga: 5 hố.

- Bổ sung hệ thống đường ống thoát nước cấp 3 bao gồm:

+ Khối cơ quan: Đường ống D160: 101,07m; ống D200: 344,85m; hố ga: 19 hố; hộp đấu nối K1: 19 hộp; hộp đấu nối K2: 2 hộp;

+ Khu bản Cọ: Đường ống D160: 564,4m; ống D200: 933,35m; hố ga: 36 hố; hộp đấu nối K1: 40 hộp; hộp đấu nối K2: 59 hộp;

+ Đường Nguyễn Lương Bằng và đường 3/2: Đường ống D160: 1.163,48m; ống D200: 2.002m; hố ga: 89 hố; hộp đấu nối K1: 255 hộp; hộp đấu nối K2: 146 hộp.

- Hệ thống thoát nước thải từ các hộ gia đình, khối cơ quan qua các hộp đấu nối K1, K2 nối với hệ thống đường ống cấp 3.

đ) Bổ sung hệ thống đường ống thoát nước cấp 3 (Gói thầu số 6) bao gồm:

- Hệ thống đường ống thoát nước cấp 3 khối cơ quan + đấu nối hộ gia đình: Ống D160: 582,9m; ống D200: 2029,74m; hố ga: 88 hố; hộp đấu nối K1: 124 hộp; hộp đấu nối K2: 49 hộp;

- Hệ thống thoát nước thải từ các hộ gia đình qua các hộp đấu nối K1, K2 nối với hệ thống đường ống cấp 3.

e) Điều chỉnh giảm do không thi công được bao gồm:

- Hạng mục công thoát nước mưa không thực hiện được do trùng hạng mục đầu tư của dự án đường vào Bản Cọ; Đường Nguyễn Văn Linh; Dốc kết nước (lý trình: MH_5.1.17-1 -:- MH_5.1.17-5); Ngõ cạnh số nhà 194 - Tô Hiệu (lý trình: MH_5.1.18.4-4 -:- MH_5.1.18-15); Đường Cách mạng tháng 8 (Từ số nhà 06 đến số nhà 56) (lý trình: MH_5.1-39 -:- MH_5.1-44); Khu Đồi Châu (lý trình: MH_5.1.14.1-1 -:- MH_5.1.14-2, MH_2.1.1.5-1 -:- MH_2.1.5-17, MH_2.1.1.4-1 -:- MH_2.1.1.4-8, MH_2.1.1.8-1 -:- MH_2.1.1-19); Đường Nguyễn Văn Linh; Đường Điện Biên (Từ MH_3.1-28 đến MH_3.1.4.2.1-1 và từ MH_3.1-18 đến MH_3.1-20; Từ MH_3.1.4.2-1 đến MH_3.1.4.2-4); Đường Khau Cả (Từ MH_3.1.3-7 đến MH_3.1.3.2-1); Đường Lò Văn Giá (Từ MH_1.1-13 đến K2.1); Ngõ 14 đường Trần Hưng Đạo; Ngõ 2 đường Nguyễn Trãi; Ngõ 6 đường Nguyễn Lương Bằng; Ngõ 1, ngõ 4 đường 3/2, Ngõ 1, ngõ 8 đường Thanh Niên; Một số hộ dân trong khu dân cư Lam Sơn. Tuyến 2C khu vực Quảng trường (từ hố ga MH_3.1.5-16 đến trạm bơm PS3).

* Các chi tiết khác trong hồ sơ thiết kế cơ sở.

12. Tổng mức đầu tư điều chỉnh: 724.287,905 triệu đồng.

Trong đó:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung chi phí	Giá trị đã phê duyệt (QĐ số 1214/QĐ-UBND ngày 11/6/2015)	Giá trị bổ sung	Giá trị điều chỉnh
1	Chi phí đền bù, GPMB	14.023,762	-4.308,193	9.715,569
2	Chi phí xây dựng và thiết bị	463.891,453	96.349,733	560.241,186
3	Chi phí Quảng lý dự án, Tư vấn xây dựng, chi khác	148.565,173	-87.949,568	60.615,605
4	Chi phí dự phòng	97.807,517	-4.091,972	93.715,545

15. Nguồn vốn đầu tư

Nguồn vốn ODA vay ưu đãi của Chính phủ Đức và Chính phủ Thụy Sĩ; Vốn đối ứng Việt Nam bao gồm Ngân sách Trung ương và Ngân sách địa phương.

16. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý.

17. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2012-2020.

18. Thời hạn sử dụng công trình: Từ 20 đến 50 năm.

19. Các nội dung khác: Theo báo cáo kết quả thẩm định số 376/KQTD-SXD ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Sở Xây dựng.

Điều 2. Ban Quản lý các dự án ODA tỉnh Sơn La (*chủ đầu tư*) có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo các nội dung ghi tại Điều 1, Quyết định này; quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh Sơn La; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng; Giám đốc Ban quản lý các dự án ODA tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Sơn La; Chủ tịch UBND thành phố Sơn La; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. /

Nơi nhận:

- Thường trực tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (T/h);
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu VT, TH, KT(Quý-3b). 25b.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hồng Minh